

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN THỦ ĐỨC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08 - 08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Công Trình Giao Thông Đô Thị Và Quản Lý Nhà Thủ Đức là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được thành lập theo Quyết định số 4019/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 08 năm 1998 và Quyết định số 5286 ngày 08 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103436 lần đầu vào ngày 24 tháng 10 năm 1998 và số đăng ký kinh doanh 416000094 thay đổi lần thứ 2 vào ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Quyết định số 3603/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 08 năm 2010 về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Công trình Giao Thông Đô Thị và Quản Lý nhà Thủ Đức thành Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp các giấy phép điều chỉnh tiếp theo như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 6 vào ngày 01 tháng 03 năm 2011.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm 2015.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 9 vào ngày 07 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ: 13.762.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị và công trình công cộng (cầu đường bộ, thoát nước, chiếu sáng công cộng, vệ sinh đô thị...);
- Quản lý, cho thuê và bảo dưỡng, nâng cấp nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy-bộ và hợp đồng vận tải công cộng;
- Thi công hệ thống cấp nước qui mô vừa và nhỏ, sửa chữa đường nhánh cấp nước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

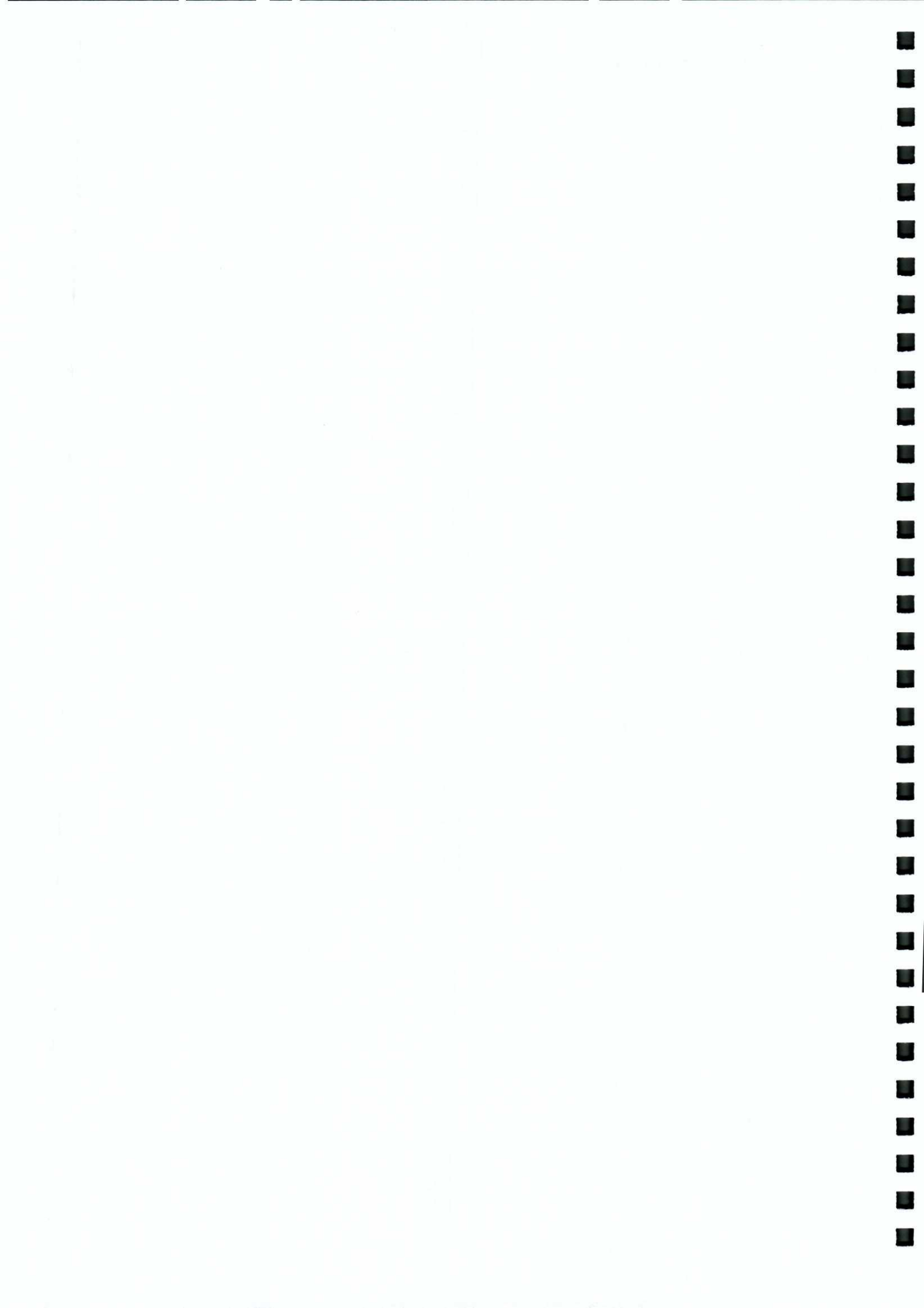
Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 23).

Kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần	81.629.985.425	84.875.312.556
- Tổng lợi nhuận trước thuế chưa trích quỹ KH-CN	3.780.610.005	5.352.569.813
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	4,63%	6,31%

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đào	Chủ tịch	5 năm kể từ ngày 17/11/2015
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên	5 năm kể từ ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	5 năm kể từ ngày 01/07/2014

Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Trần Đức Hòa	Kiểm soát viên	3 năm kể từ ngày 23/01/2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Vũ Quốc Bảo	Giám đốc	5 năm kể từ ngày 29/04/2016
Ông Phan Văn Đựng	Phó Giám đốc	5 năm kể từ ngày 18/01/2016
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/07/2014
Bà Đoàn Thị Thúy Nga	Phó Giám đốc	5 năm kể từ ngày 14/03/2011
Bà Trương Ngọc Hương	Kế toán trưởng	Từ ngày 06/09/2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định làm kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2017
Thay mặt Hội đồng thành viên



Thay mặt Ban Giám đốc

NGUYỄN VĂN ĐÀO
Chủ tịch

VŨ QUỐC BẢO
Giám đốc



Enhance your values

GLOBAL AUDITING

Indochina Park Tower Bldg, R. 14B05 -14th Floor,
04 Nguyen Dinh Chieu Street, Dist 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84-8) 62 998 263/64 - Fax: (84-8) 62 998 267
www.globalauditing.com - Email: info@globalauditing.com

Số: 20170329024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN - BAN GIÁM ĐỐC
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức được lập ngày 21 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

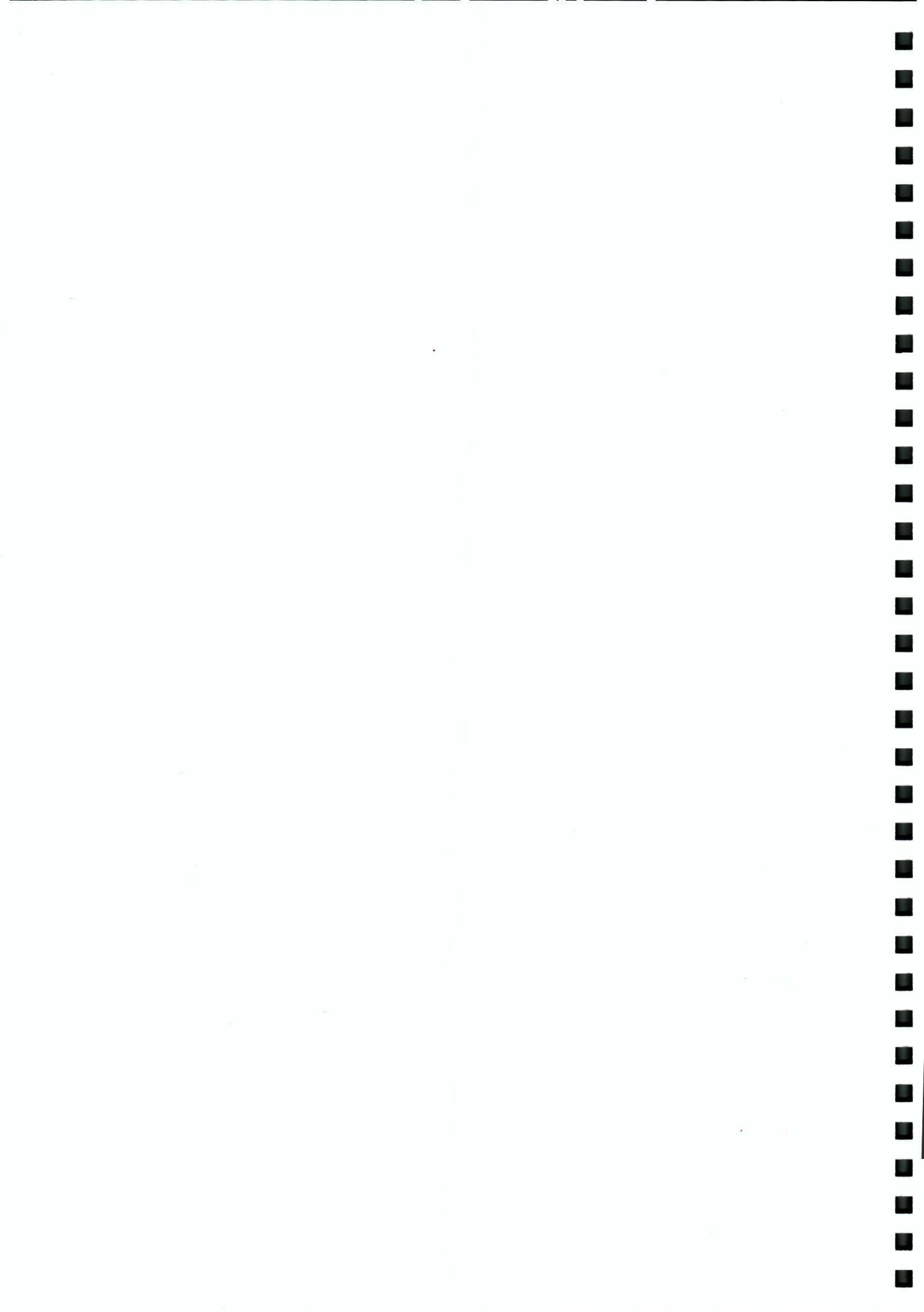
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Số liệu đầu kỳ đã được điều chỉnh theo số liệu của Chi Cục Tài chính doanh nghiệp Tp. HCM và theo số liệu quyết toán thuế năm 2014 và năm 2015. Chúng tôi không tiến hành kiểm toán lại các số liệu đầu kỳ. 4



Chúng tôi không thể tiến hành kiểm kê và đánh giá giá trị các công trình dở dang của quý công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận, thư đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác, trả trước người bán, nợ dài hạn và các nguồn kinh phí của Nhà nước đã ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Riêng đối với khoản công nợ phải thu khách hàng với tổng số tiền là: **47.965.181.789 VND**, trong đó phải thu khách hàng Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố HCM là: **35.160.075.113 VND** chiếm tỷ trọng là: 73,30%. Khoản phải thu của Công ty Môi Trường Đô Thị Thành Phố này đã xác nhận được **12.659.680.644 VND**, số còn lại là: **22.500.394.469 VND**, đã ký biên bản xác nhận tuy nhiên không xác nhận chính xác số tiền nêu trên và cũng không xác nhận số tiền lệch (nếu có) vì lý do sau đây:

- Đối với khoản phải thu phần vận chuyển rác năm 2014 với số tiền: **9.506.589.444 VND**, Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố HCM đưa ra lý do là năm 2014 chưa xác định đơn giá nên chưa xác định được công nợ;

- Đối với khoản phải thu phần vận chuyển rác năm 2013 với số tiền: **12.636.890.689 VND**, Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố HCM đưa ra lý do là do ngân sách chưa trả phần kinh phí trên, đồng thời công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức cũng chưa lập đủ hồ sơ để xác định số tiền nêu trên nên chưa xác định được công nợ.

- Đối với khoản phải thu phần vận chuyển rác năm 2016 với số tiền chênh lệch là: **356.914.336 VND** do chênh lệch thuế giá trị gia tăng và điều chỉnh giảm doanh thu Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố HCM điều chỉnh trong năm 2017.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Chúng tôi chưa nhận được các hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu cấp bù 2013, 2014. Với tài liệu hiện có của đơn vị, chúng tôi không thể kiểm tra được khoản mục doanh thu - giá vốn của công trình và doanh thu vận chuyển rác nêu trên. Vì vậy, chúng tôi không có ý kiến về khoản mục doanh thu, giá vốn và ảnh hưởng của khoản mục trên đến Báo cáo tài chính năm 2016.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)



NGUYỄN DUY VŨ

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1562-2013-205-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

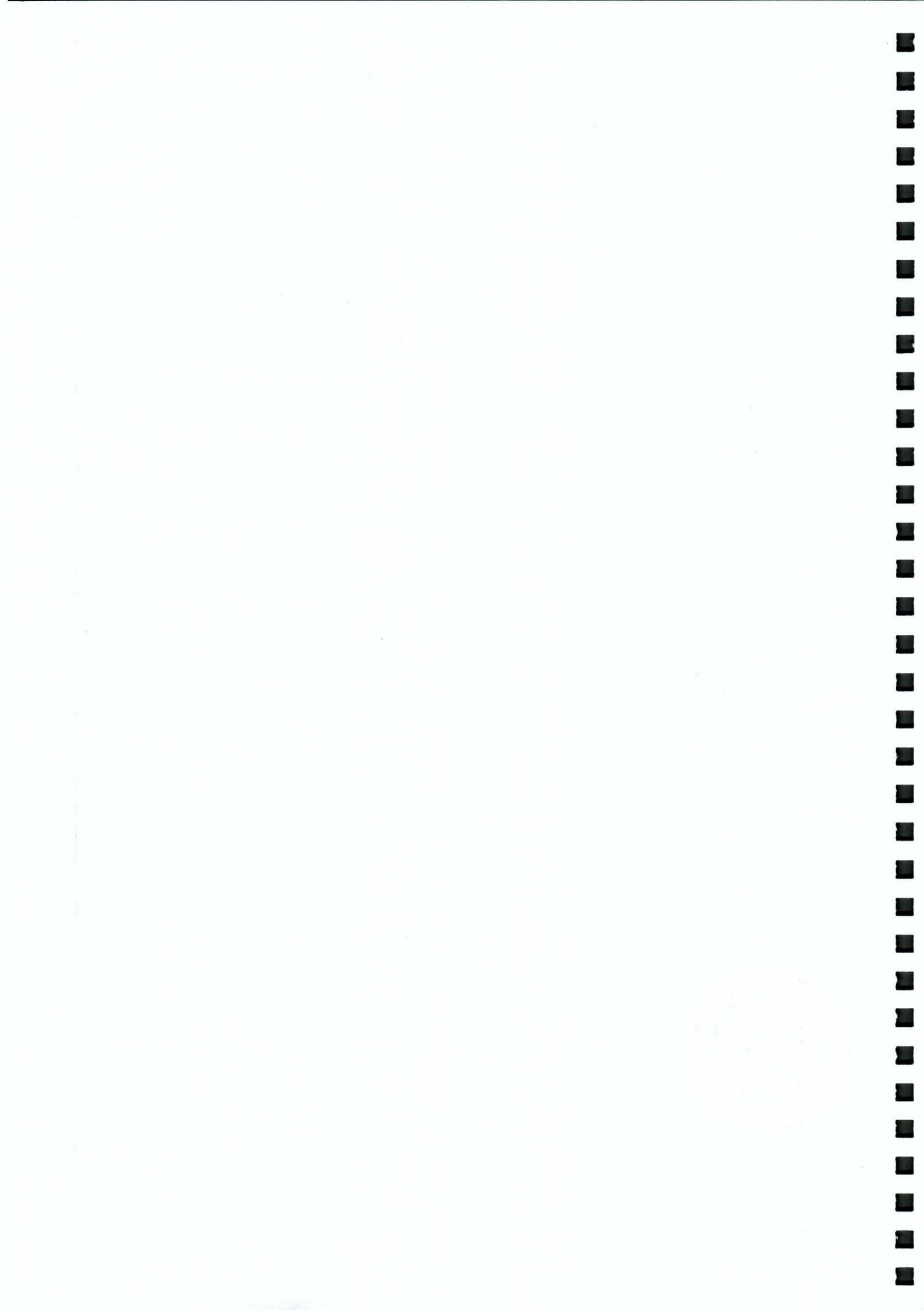
Ngày 21 tháng 01 năm 2017

TRẦN MINH TUẤN

Kiểm toán viên phụ trách

Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1352-2013-205-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.826.763.235	54.050.754.635
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4.434.077.720	8.189.695.841
Tiền	111		4.434.077.720	8.189.695.841
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.715.004.140	39.512.952.539
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	47.965.181.789	33.387.282.303
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	23.369.610	628.592.323
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	1.726.452.741	6.277.768.748
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(780.690.835)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5.	8.341.247.696	6.088.147.225
Hàng tồn kho	141		8.341.247.696	6.129.625.060
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(41.477.835)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		336.433.679	259.959.030
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a.	295.928.571	115.440.546
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.b.	40.505.108	144.518.484
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.898.712.304	81.170.403.834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.317.423.825	10.691.847.948
TSCĐ hữu hình	221	V.7.	14.317.423.825	10.691.847.948
- Nguyên giá	222		20.585.136.343	18.128.724.985
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.267.712.518)	(7.436.877.037)
TSCĐ vô hình	227	V.8.	-	-
Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(35.000.000)	(35.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9.	59.984.894.026	67.445.923.065
Nguyên giá	231		62.456.420.288	70.019.460.918
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.471.526.262)	(2.573.537.853)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.412.753.038	2.613.011.935
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.6.a.	4.278.538.192	2.610.761.935
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.b.	134.214.846	2.250.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		183.641.415	419.620.886
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b.	183.641.415	419.620.886
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.725.475.539	135.221.158.469

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.355.237.322	61.383.230.213
I. Nợ ngắn hạn	310		69.522.656.602	57.764.556.584
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	4.043.138.888	2.033.037.354
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	501.996.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.a.	5.758.084.949	4.066.118.565
Phải trả người lao động	314		6.454.202.064	8.043.874.812
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	-	224.370.242
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.a.	730.014.074	824.000.265
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.a.	30.555.972.519	31.457.742.562
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	11.357.117.213	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19.	10.122.130.895	11.115.412.784
II. Nợ dài hạn	330		2.832.580.720	3.618.673.629
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16.b.	-	2.132.948.998
Phải trả dài hạn khác	337	V.17.b.	887.892.054	785.546.054
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	1.671.650.000	540.118.390
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		273.038.666	160.060.187
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.370.238.217	73.837.928.256
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.386.936.540	14.386.936.540
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20.	13.762.000.000	13.762.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21.	624.936.540	624.936.540
II. Nguồn kinh phí	430		54.983.301.677	59.450.991.716
Nguồn kinh phí	431	V.22.	40.097.231.304	42.912.373.540
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.23.	14.886.070.373	16.538.618.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.725.475.539	135.221.158.469

nh



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2017

TRƯƠNG NGỌC HƯƠNG
Kế toán trưởng

VŨ QUỐC BẢO
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	81.629.985.425	84.875.312.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3.	81.629.985.425	84.875.312.556
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	68.867.892.365	70.622.208.971
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.762.093.060	14.253.103.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	21.005.811	17.614.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	221.861.631	238.939.670
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		221.861.631	238.939.670
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.169.026.158	9.603.936.335
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		2.392.211.082	4.427.842.540
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	2.023.899.377	1.134.701.307
12. Chi phí khác	32	VI.8.	635.500.454	209.974.034
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.388.398.923	924.727.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (41 = 30 + 40)	41		3.780.610.005	5.352.569.813
15. Trích quỹ phát triển khoa học	42		112.978.479	160.060.187
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trừ quỹ phát triển khoa học (50 = 41 - 42)	50		3.667.631.526	5.192.509.626
17. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	831.374.415	1.225.103.969
18. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.836.257.111	3.967.405.657
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

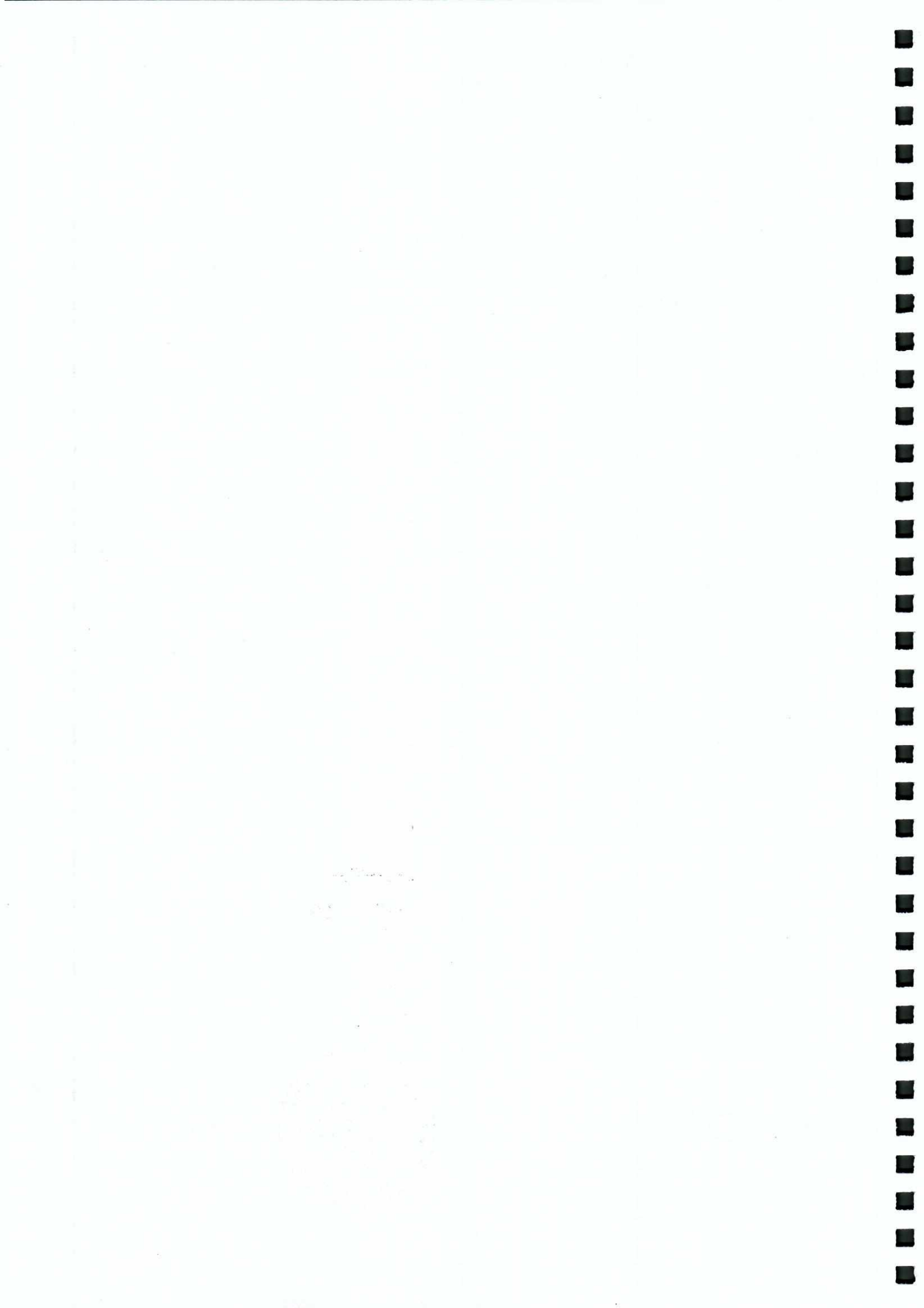


TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2017

hanh

TRƯƠNG NGỌC HƯƠNG
Kế toán trưởng

VŨ QUỐC BẢO
Giám đốc



Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	80.323.114.037	88.955.275.327
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(35.095.020.763)	(25.057.258.362)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(38.566.841.194)	(31.770.985.875)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(221.861.631)	(238.939.670)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.026.336.928)	(1.153.413.713)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.729.049.660	17.337.186.898
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(47.778.929.222)	(35.331.603.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(1.636.826.041)	12.740.260.928
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	21	(5.303.871.492)	(3.732.903.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	391.818.182	938.291.296
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.005.811	17.614.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.891.047.499)	(2.776.997.480)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.423.000.000	11.833.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.650.744.581)	(18.403.638.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.772.255.419	(6.570.638.742)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(3.755.618.121)	3.392.624.706
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.189.695.841	4.797.071.135
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	4.434.077.720	8.189.695.841

*nah*TRƯƠNG NGỌC HƯƠNG
Kế Toán TrưởngVŨ QUỐC BẢO
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn và thông tin doanh nghiệp

Công ty Công Trình Giao Thông Đô Thị Và Quản Lý Nhà Thủ Đức là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ được thành lập theo Quyết định số 4019/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 08 năm 1998 và Quyết định số 5286 ngày 08 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103436 lần đầu vào ngày 24 tháng 10 năm 1998 và số đăng ký kinh doanh 416000094 thay đổi lần thứ 2 vào ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Quyết định số 3603/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 08 năm 2010 về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Công trình Giao Thông Đô Thị và Quản Lý nhà Thủ Đức thành Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức.

Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: 86 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp các giấy phép điều chỉnh tiếp theo như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 6 vào ngày 01 tháng 03 năm
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301482692 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm

Vốn điều lệ: 13.762.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ công ích và thi công xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và xây dựng công trình giao thông, công trình đô thị và công trình công cộng (cầu đường bộ, thoát nước, chiếu sáng công cộng, vệ sinh đô thị...);
- Quản lý, cho thuê và bảo dưỡng, nâng cấp nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy-bộ và hợp đồng vận tải công cộng;
- Thi công hệ thống cấp nước qui mô vừa và nhỏ, sửa chữa đường nhánh cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP (TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính và nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập theo từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Nhóm Tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 34
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

b. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao các phần mềm nêu trên là 03 năm.

c. Bất động sản đầu tư

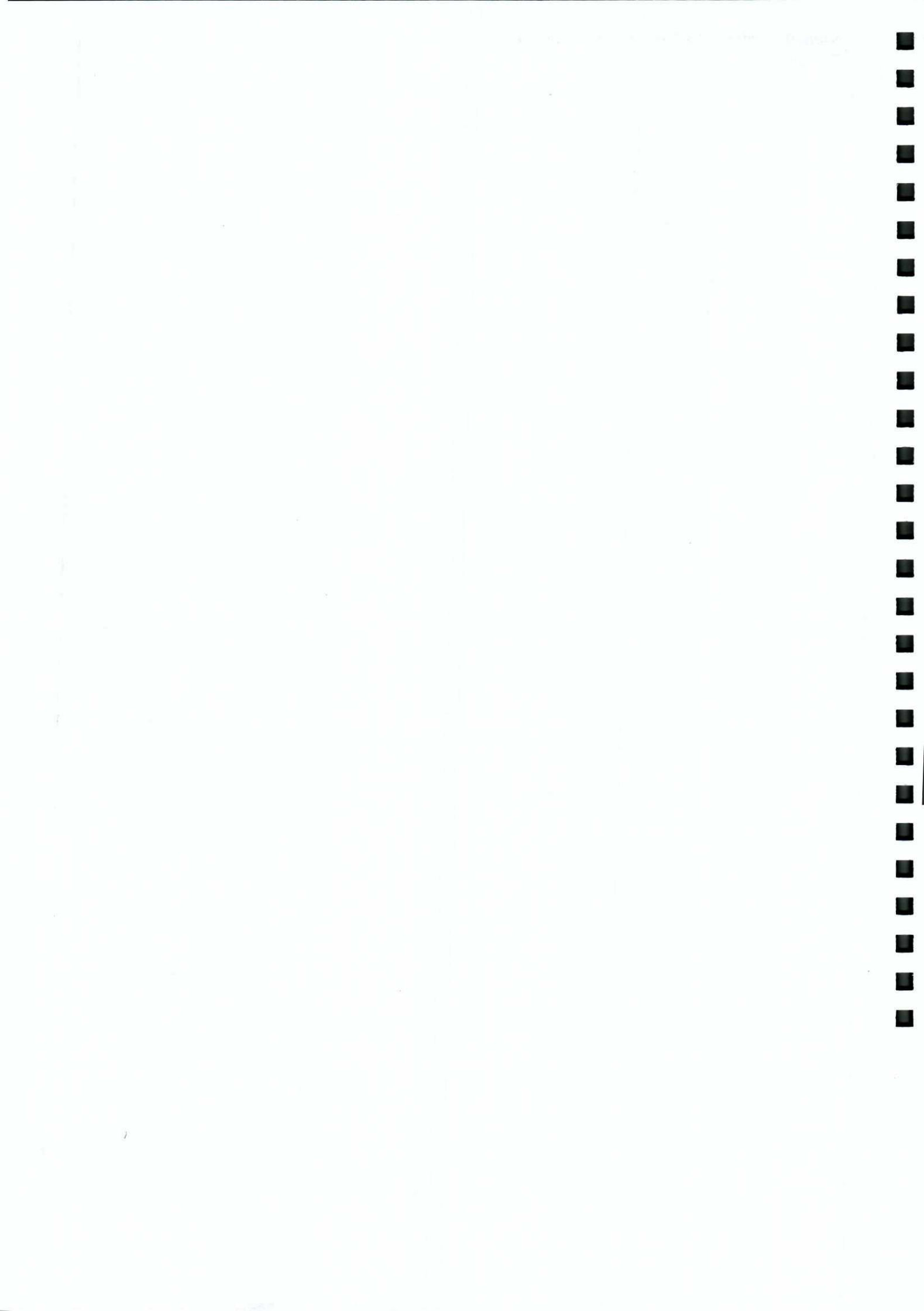
Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

Loại TS Bất Động sản đầu tư	Thời gian (năm)
Quyền sử dụng đất	Lâu dài
Tài sản trên đất (Nhà)	06 - 10

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ nhỏ, vật dụng và trang thiết bị văn phòng và các chi phí khác mà mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Chi phí trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh sử dụng theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí thỏa mãn quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu và trích từ quỹ đầu tư phát triển.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

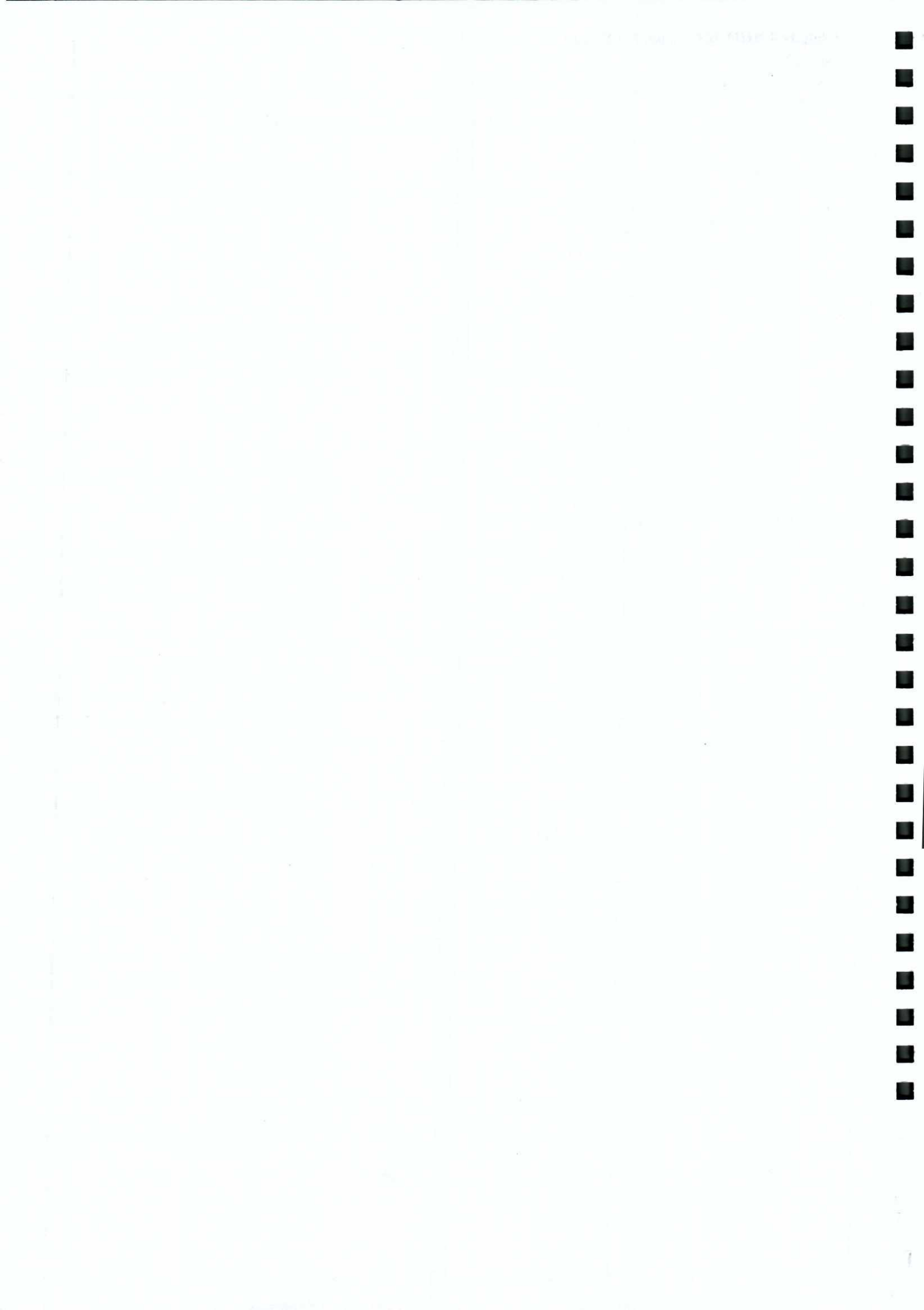
Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

12. **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của hoạt động xây dựng, dịch vụ công ích quét rác, vận chuyển rác, duy tu và bất động sản từ nhà nước bàn giao để cho thuê và kinh doanh trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

13. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty được coi là các bên liên quan.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	108.783.572	437.648.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.325.294.148	7.752.047.613
Tổng cộng	4.434.077.720	8.189.695.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	47.965.181.789	33.387.282.303
Ban QLDA Thủ Đức	3.838.479.828	8.321.475.000
Ban quản lý dự án Quận 9	-	566.957.223
Công ty MTĐT T.Phố	35.160.075.113	18.108.880.774
Phòng Quản Lý Đô Thị	1.759.553.000	1.496.339.200
P.Tài chính KH-ĐT Thủ Đức	2.936.623.762	2.251.317.916
UBND phường Trường Thọ	1.459.428.216	63.825.000
Khách hàng khác	2.811.021.870	2.578.487.190

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.369.610	628.592.323
Trung Tâm Đo Đặc Bản Đồ	13.000.000	541.872.225
Nhà cung cấp khác	10.369.610	86.720.098

4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác ngắn hạn	1.726.452.741	6.277.768.748
Phải thu về cổ phần hóa	106.500.000	-
Giá trị tài sản còn lại chờ thanh lý	122.943.266	-
Chi phí khu quy hoạch Bình Chiểu	108.295.035	-
UMND Phường Trường Thọ	134.479.000	-
Nguyễn Hòa Đức (Salan) (**)	-	2.812.129.643
Nguyễn Văn Tài	166.901.684	-
Kinh phí duy tu	-	1.507.245.000
Tiền cho thuê nhà phải thu	663.450.394	751.580.265
Phải thu khác	395.383.362	899.841.511
Tạm ứng	28.500.000	306.972.329
<i>Phan Thành Hiệp</i>	-	180.194.070
<i>Châu Bang</i>	-	5.831.900
<i>Các cá nhân khác</i>	28.500.000	120.946.359
Tổng cộng	49.715.004.140	40.293.643.374
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-	(780.690.835)
Giá trị thuần của phải thu ngắn hạn và dài hạn	49.715.004.140	39.512.952.539

(**) Khoản lãi chiếm dụng vốn của ông Nguyễn Hòa Đức là khoản lãi chiếm dùng từ việc tạm ứng tiền của Công ty để thực hiện hoạt động tại xưởng Salan theo phương thức khoán hoạt động và không quyết toán trong thời gian dài. Khoản lãi chiếm dụng này được xóa nợ theo Biên bản họp Hội Đồng Thành viên ngày 29 tháng 12 năm 2016.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	281.282.658	272.475.341
Công cụ, dụng cụ	189.205.500	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.870.759.538	5.857.149.719
Tổng cộng	8.341.247.696	6.129.625.060
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(41.477.835)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	8.341.247.696	6.088.147.225



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Tài sản dở dang dài hạn

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Vận chuyển rác 2014	4.278.538.192	4.278.538.192	2.446.295.944	2.446.295.944
Chi phí khác	-	-	164.465.991	164.465.991
Cộng	4.278.538.192	4.278.538.192	2.610.761.935	2.610.761.935

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

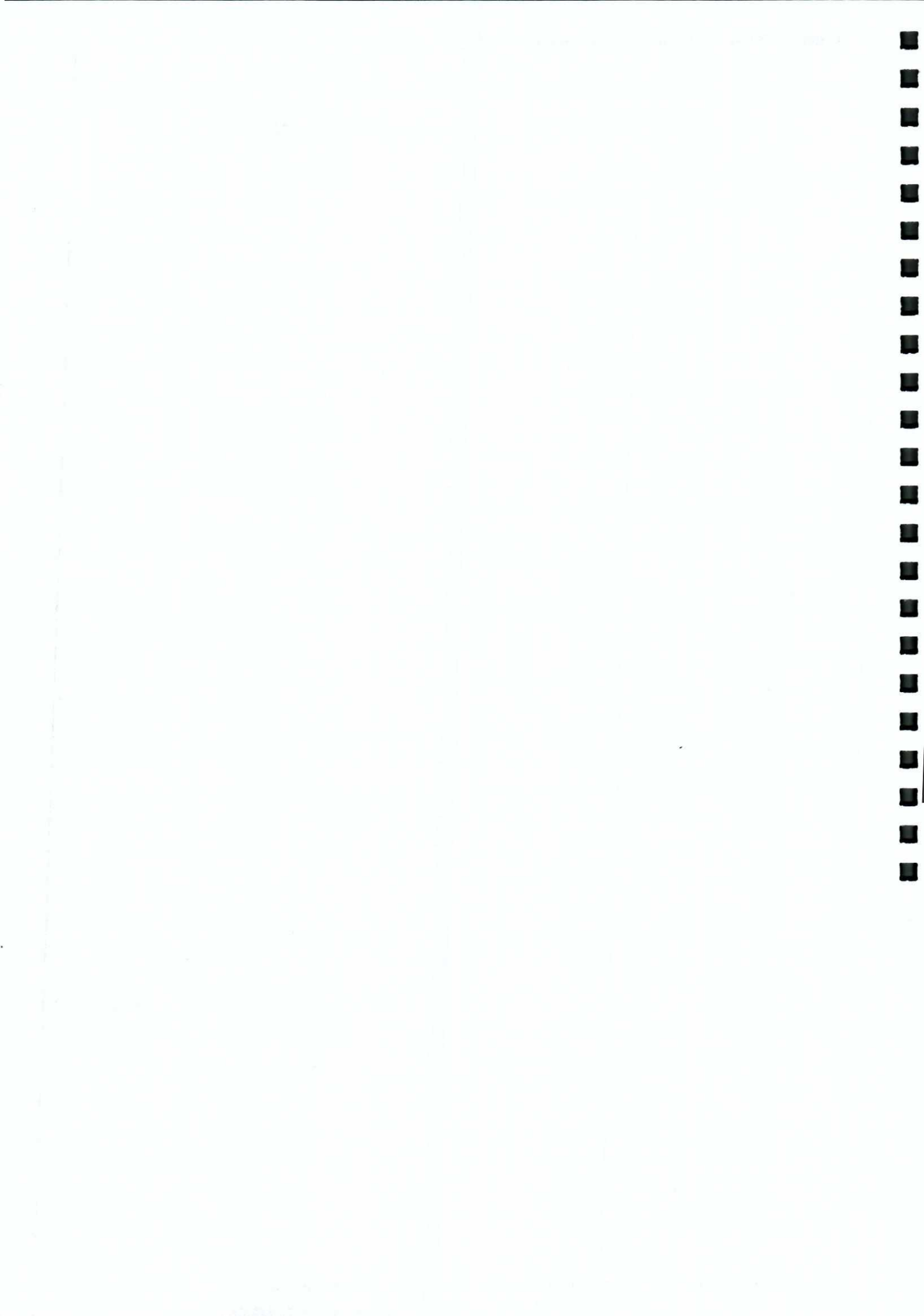
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Sửa chữa bê tông	129.669.391	-
Chi phí ban đầu mua xe ép	4.545.455	2.250.000
Cộng	134.214.846	2.250.000,00

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	2.122.329.430	106.161.940	15.900.233.615	18.128.724.985
Tăng trong năm	-	-	5.214.734.092	5.214.734.092
Mua trong năm	-	-	5.214.734.092	5.214.734.092
Giảm trong năm	202.787.690	60.114.321	2.495.420.723	2.758.322.734
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.038.036.667	1.038.036.667
Giảm khác	202.787.690	60.114.321	1.457.384.056	1.720.286.067
Số cuối năm	1.919.541.740	46.047.619	18.619.546.984	20.585.136.343
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.251.964.755	41.161.940	6.143.750.342	7.436.877.037
Tăng trong năm	88.882.460	21.666.672	1.342.029.611	1.452.578.743
Khấu hao trong năm	88.882.460	21.666.672	1.342.029.611	1.452.578.743
Giảm trong năm	189.151.484	60.114.321	2.372.477.457	2.621.743.262
Thanh lý	-	-	1.038.036.667	1.038.036.667
Giảm khác	189.151.484	60.114.321	1.334.440.790	1.583.706.595
Số cuối năm	1.151.695.731	2.714.291	5.113.302.496	6.267.712.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	870.364.675	65.000.000	9.756.483.273	10.691.847.948
Số cuối năm	767.846.009	43.333.328	13.506.244.488	14.317.423.825

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm			35.000.000	35.000.000
Tăng trong năm			-	-
Giảm trong năm			-	-
Số cuối năm			35.000.000	35.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm			35.000.000	35.000.000
Tăng trong năm			-	-
Giảm trong năm			-	-
Số cuối năm			35.000.000	35.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm			-	-
Số cuối năm			-	-

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
NGUYÊN GIÁ	70.019.460.918	-	7.563.040.630	62.456.420.288
Quyền sử dụng đất	39.868.114.890	-	4.747.898.394	35.120.216.496
Nhà	30.151.346.028	-	2.815.142.236	27.336.203.792
HAO MÒN LŨY KẾ	2.573.537.853	-	102.011.591	2.471.526.262
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	2.573.537.853	-	102.011.591	2.471.526.262
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	67.445.923.065			59.984.894.026
Quyền sử dụng đất	39.868.114.890	-	-	35.120.216.496
Nhà	27.577.808.175	-	-	24.864.677.530

10. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	30.040.898	110.258.273	113.400.537	26.898.634
Chi phí sửa chữa	85.399.648	358.706.585	175.076.296	269.029.937
Tổng cộng	115.440.546	468.964.858	288.476.833	295.928.571

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	235.398.265	10.081.818	153.949.985	91.530.098
Chi phí sửa chữa	184.222.621	-	92.111.304	92.111.317
Tổng cộng	419.620.886	10.081.818	246.061.289	183.641.415

11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng:	11.357.117.213	-
- Ngân hàng Công Thương - CN Đông Sài Gòn	11.357.117.213	-
Tổng cộng	11.357.117.213	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương-chi nhánh Đông Sài Gòn, theo hợp đồng tín dụng số 3323/2016-HĐTDHM/NHCT946-CONGICH ngày 20 tháng 11 năm 2016. Hạn mục tín dụng 14,000,000,000 VNĐ. Mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Thời hạn vay 4 tháng cho mỗi giấy nhận nợ.

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn		
Cơ Sở Hải Xuyên	331.780.000	137.633.000
Cty TNHH TM Tân Hiệp	312.037.750	224.462.640
Hộ KD Cơ Sở Trường Tín	134.491.000	202.335.000
Công ty TNHH PT DV Đá Phúc Nguyên Đạt	98.054.986	265.812.756
Cơ sở cơ khí Kim Thành	103.930.000	21.290.000
Công ty TNHH MTV VT Quang Khôi	495.481.919	-
Nhà cung cấp khác	2.567.363.233	1.181.503.958
Tổng cộng	4.043.138.888	2.033.037.354

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA Thủ Đức	501.996.000	-
Tổng cộng	501.996.000	-

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3.298.087.703	1.913.072.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	786.374.416	981.336.929
Thuế thu nhập cá nhân	15.682.199	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.479.549.273	993.318.085
Thuế khác	178.391.358	178.391.358
Tổng cộng	5.758.084.949	4.066.118.565
	Số cuối năm	Số đầu năm
b. Phải thu		
Thuế thu nhập cá nhân	-	131.530.110
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	40.505.108	12.988.374
Tổng cộng	40.505.108	144.518.484

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Các khoản trích trước công trình, vá vỏ xe rác, nhựa	-	224.370.242
Tổng cộng	-	224.370.242

16. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhà phải thu	663.450.394	751.580.265
Rác y tế	66.563.680	72.420.000
Tổng cộng	730.014.074	824.000.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

b. Dài hạn

Lãi chiếm dụng vốn - Nguyễn Hòa Đức (*)	-	2.132.948.998
Tổng cộng	-	2.132.948.998

(*) Khoản lãi chiếm dụng vốn của ông Nguyễn Hòa Đức là khoản lãi chiếm dụng từ việc tạm ứng tiền của Công ty để thực hiện hoạt động tại xưởng Salan theo phương thức khoán hoạt động và không quyết toán trong thời gian dài. Khoản lãi chiếm dụng này được xóa nợ theo Biên bản họp Hội Đồng Thành viên ngày 29 tháng 12 năm 2016.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	95.994.313	2.604.747
Bảo hiểm xã hội	-	21.971.897
Nguyễn Văn Hoan		40.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.459.978.206	31.393.165.918
Trong đó:		
Chung cư Mỹ Kim		
KP QLY CC (2%)	-	953.651.720
KP SC CC (3%)	1.946.903.203	1.654.807.611
Nhà Chung Cư Mỹ Kim (Bình Thạnh)	3.209.340.161	2.596.949.773
Nhà chung Cư Mỹ Kim -40 Căn (Thủ Đức)	1.912.752.802	613.990.157
Nhà Chung Cư Mỹ Kim (nhà thuê)	662.024.738	383.963.347
Lãi trả góp	2.588.531.549	1.621.237.859
Chung cư Hiệp Bình Chánh		
KP QLY CC (2%)	180.058.176	387.636.509
KP SC CC (3%)	925.099.737	578.886.765
Chênh lệch số thu-giá vốn	4.091.791.000	5.928.556.474
Hội Đồng Bán Nhà Ở	120.142.112	126.324.612
Nhà trả góp	3.954.060.000	6.264.715.900
Phòng TCKH-ĐT Thủ Đức	-	2.772.046.151
Nền trả góp chung cư Êm đềm Linh Xuân	675.507.538	903.432.619
Nền trả góp KDC Bình Chiểu	3.458.461.489	2.430.203.650
Lệ phí cấp GCN, QSH nhà, đất ở	83.862.000	83.712.000
Ban BTGPMB Thủ Đức	-	1.570.909.032
NTG - CC Hiệp Bình Chánh	1.036.490.265	-
UBND Quận Thủ Đức	1.298.080.934	-
NTG - CC Mỹ Long	3.978.179.825	2.359.856.366
Các khoản phải trả khác	338.692.677	162.285.373
Tổng cộng	30.555.972.519	31.457.742.562
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	887.892.054	785.546.054
Tổng cộng	887.892.054	785.546.054



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng:	1.671.650.000	-
- Quỹ bảo vệ môi trường thành phố HCM (*)	1.671.650.000	-
Nợ dài hạn Ngân sách Nhà nước tiền bán nhà chung cư	-	540.118.390
Tổng cộng	1.671.650.000	540.118.390

(*) Vay dài hạn quỹ bảo vệ môi trường thành phố, số tiền 1,700,000,000 VNĐ theo HĐ tín dụng số 05-2016/HĐTD-QBVMT, mục đích vay để mua sắm 1 xe ép rác. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.122.130.895	8.475.101.224
Tổng cộng	10.122.130.895	8.475.101.224

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay		13.762.000.000	-	13.762.000.000
Lãi năm nay		-	2.836.257.111	2.836.257.111
Phân phối lợi nhuận		-	(2.836.257.111)	(2.836.257.111)
Số dư cuối năm nay		13.762.000.000	-	13.762.000.000

21. Các quỹ và nguồn của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	624.936.540	624.936.540
	624.936.540	624.936.540

22. Nguồn kinh phí

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	42.912.373.540	43.446.988.971
Giảm đất nền	(2.815.142.236)	(534.615.431)
Số cuối năm	40.097.231.304	42.912.373.540

Thông tin chi tiết nguồn kinh phí như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nền đất dự án Tam Bình (Công ty Lan Phương)	37.227.124.343	40.042.266.579
Lệ phí trước bạ nền đất Dự Án Tam Bình	627.720.900	627.720.900
Mé nhánh cây	231.000	231.000
Chi phí sửa chữa thường xuyên nhà ở	2.242.155.061	2.242.155.061
Tổng cộng	40.097.231.304	42.912.373.540

23. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	16.538.618.176	17.264.317.635
Giảm trong năm	1.652.547.803	725.699.459
Số cuối năm	14.886.070.373	16.538.618.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	2.812.129.643	468.268.605

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
a. Tổng doanh thu	81.629.985.425	84.875.312.556
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.413.024.110	50.769.241.143
- Doanh thu hoạt động xây dựng	14.293.527.024	28.577.408.071
- Doanh thu bán nhà và cho thuê	5.923.434.291	5.528.663.342

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	-	-
--	---	---

3. Doanh thu thuần

	81.629.985.425	84.875.312.556
--	-----------------------	-----------------------

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.348.048.591	45.333.519.927
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	12.894.337.675	19.546.930.929
Giá vốn bán nhà chung cư và cho thuê	5.625.506.099	5.741.758.115
Tổng cộng	68.867.892.365	70.622.208.971

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	21.005.811	17.614.960
Tổng cộng	21.005.811	17.614.960

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	221.861.631	238.939.670
Tổng cộng	221.861.631	238.939.670

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	436.056.364	165.408.041
Nguyễn Hòa Đức (Salan)	172.005.000	-
Tiền lãi phạt khách hàng	14.000.000	-
Phí quản lý Chung cư Mỹ Kim	902.842.463	-
Phí quản lý Chung cư Hiệp Bình Chánh	366.860.345	-
Thu tiền bồi thường giải tòa	96.000.000	938.291.296
Thu nhập khác	36.135.205	31.001.970
Tổng cộng	2.023.899.377	1.134.701.307

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ, CCDC nhượng bán, thanh lý	62.101.443	127.886.121
Phạt hành chính	168.045.216	-
Hỗ trợ người bị nạn	187.200.000	60.000.000
Chi phí khác	218.153.795	22.087.913
Tổng cộng	635.500.454	209.974.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.667.631.526	5.192.509.626
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	489.240.551	376.144.780
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.156.872.077	5.568.654.406
Thuế suất phổ thông	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	831.374.415	1.225.103.969

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
2.1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	55,67%	60,03%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	44,33%	39,97%
2.1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	51,05%	45,39%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	48,95%	54,61%
2.1.3 Hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ (lần)	3,37	2,92

(Nợ phải trả đơn vị xác định không bao gồm nghĩa vụ nợ thanh toán đối với các khoản vốn Ngân sách về tiền nhà trả góp với thời hạn 10 đến 15 năm, số tiền Chênh lệch số thu-giá vốn, 2% giá bán CCHBC, 2% giá bán CCMK, 3% giá bán CCHBC, 3% giá bán CCMK). Xem thêm phần thuyết minh Mục 17 và V5, tại thuyết minh báo cáo tài chính này).

Năm nay các khoản phải thu khách hàng từ nguồn vốn Ngân sách chậm, đặt biệt là khoản thu từ Công ty MTĐT T.Phổ, do đó công ty khó khăn trong vấn đề thanh toán các nghĩa vụ nợ, vì vậy công ty phát sinh tăng các khoản đi vay để chi trả các khoản nợ trong năm. Vì vậy hệ số nợ của công ty tăng lên đáng kể so với năm trước .

2.2. Khả năng thanh toán

2.2.1. Khả năng thanh toán nợ (lần)	1,96	2,20
2.2.2. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,29	0,94
2.2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,06	0,14

2.3. Tỷ suất sinh lời

	Năm nay	Năm trước
2.3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	4,63%	6,31%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	3,47%	4,67%
2.3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	2,67%	3,96%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,00%	2,93%
2.3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	20,61%	28,83%

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Những thông tin khác.

Theo Quyết định số 36/2015/QĐST-DS ngày 04/05/2015 của Thẩm Phán - Tòa Án Nhân Dân Quận 2 - Thành Phố Hồ Chí Minh về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích Quận Thủ Đức đồng ý để ông Nguyễn Hòa Đức trả số tiền còn thiếu là: **2.812.129.643 VND**. Thời gian trả nợ trong vòng 9 tháng, hạn cuối là ngày 24/01/2016.

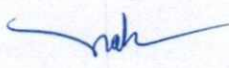
Theo Quyết định số 195/QĐ-CCTHADS ngày 25/08/2016 của Cục Thi hành án dân sự Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc chưa có điều kiện thi hành án các khoản như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích Quận Thủ Đức đồng ý để ông Nguyễn Hòa Đức trả số tiền còn thiếu là: **2.812.129.643 VND**. Thời gian trả nợ trong vòng 9 tháng, hạn cuối là ngày 24/01/2016 và lãi suất chậm thi hành án.

Doanh thu chưa thực hiện đối với khoản lãi chiếm dụng vốn của ông Nguyễn Hòa Đức là khoản lãi chiếm dụng từ việc tạm ứng tiền của Công ty để thực hiện hoạt động tại xưởng Salan. Công ty đã xử lý bù trừ khoản phải thu khác và doanh thu chưa thực hiện, và khoản dự phòng liên quan đến Ông Nguyễn Hòa Đức. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, công ty vẫn chưa hoàn tất các biên bản xử lý khoản nợ này và các vấn đề có liên quan.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính


Các Báo cáo tài chính trên đây đã được Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Thủ Đức phê duyệt vào ngày 21 tháng 01 năm 2017.



TRƯƠNG NGỌC HƯƠNG
Kế toán trưởng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2017



VŨ QUỐC BẢO
Giám đốc